

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11 - HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 117/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 24/7/2026

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Khánh Thiện.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Công Đức, bà Phạm Thị Tươi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Huyền - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 356/2026/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2026, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 53/2026/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2026, giữa:

- Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Văn H**, sinh ngày 18/10/1984; CCCD số: 030084021899 do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 18/04/2023.

Địa chỉ cư trú: Thôn N, xã T, thành phố Hải Phòng.

- Bị đơn: Chị **Lê Thị H1**, sinh ngày 27/07/1984; CCCD số: 030184008195 do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 31/5/2023. Quê quán: Số 3, Cầu Cồn, TDP 21, phường Hải Dương, thành phố Hải Phòng;

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn N, xã T, thành phố Hải Phòng.

Chỗ ở hiện nay: Singapore.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Hoàng Thị B, sinh ngày 06/8/1960; CCCD số: 030160001398 do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 20/4/2021; Địa chỉ: Số 3, CC, TDP 21, phường Hải, thành phố Hải Phòng.

Tại phiên tòa vắng mặt các đương sự và đều đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Văn H trình bày: Anh và chị Lê Thị H1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương (nay là xã T, thành phố Hải Phòng) ngày 04/6/2015. Sau khi kết hôn

anh chị chung sống với nhau tại gia đình anh. Quá trình chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, quan điểm sống bất đồng, anh chị thường xuyên xảy ra cãi vã, không có tiếng nói chung. Năm 2025, chị H1 đi lao động tại Singapore, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Anh đã tìm cách nói chuyện để cải thiện tình cảm vợ chồng nhưng không thành. Mâu thuẫn của anh chị đã được hai bên gia đình khuyên bảo, hòa giải nhưng không có kết quả. Anh xác định mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Lê Thị H1.

Về con chung: Anh và chị H1 có 01 con chung là Nguyễn Khánh Đ, sinh ngày 05/3/2018, hiện đang ở với bà ngoại là bà Hoàng Thị B. Do chị H1 mong muốn được nuôi con, cháu Đức cũng có nguyện vọng được ở với mẹ và bà ngoại nên anh nhất trí giao cháu Đ cho chị H1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con thành niên (tròn 18 tuổi). Anh chị tự thống nhất thỏa thuận về việc cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trong thời gian chị H1 không có mặt ở Việt Nam, anh nhất trí để con ở với bà Hoàng Thị B cho đến khi chị H1 về nước.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do anh H không cung cấp được địa chỉ cụ thể của chị H1 nên Tòa án đã tiến hành xác minh tại gia đình chị Hồng. Bà Hoàng Thị B (là mẹ đẻ chị H1) trình bày: Bà không biết địa chỉ cụ thể của chị Hồng ở nước ngoài nên không cung cấp cho Tòa án được. Tuy nhiên chị H1 vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình qua điện thoại. Bà đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho chị H1 biết. Thông qua gia đình chị H1 trình bày: Trước khi kết hôn anh chị cùng đi lao động tại Đài Loan, năm 2015 anh chị về nước để thực hiện việc đăng ký kết hôn sau đó quay trở lại Đài Loan để làm việc. Năm 2019, anh chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H có tình cảm với người phụ nữ khác, không chung thủy với chị. Khi sinh con chị về nước đến năm 2021 chị quay lại Đài Loan cùng anh H nhưng vợ chồng không còn hạnh phúc. Đầu năm 2025 chị chuyển sang lao động tại Singapore, vợ chồng sống xa cách mỗi người một nơi, tình cảm vợ chồng nguội lạnh và không còn, anh H xin ly hôn chị nhất trí. Chị xác định vợ chồng có 01 con chung như anh H trình bày là đúng, chị đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Khánh Đ cho đến khi con trưởng thành và tự nguyện không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung. Trong thời gian không có mặt tại Việt Nam, chị ủy quyền cho mẹ đẻ là bà Hoàng Thị B thay chị chăm sóc con chung cho đến khi chị về nước, chị có trách nhiệm gửi tiền về cho bà B chăm sóc con. Tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do điều kiện đang làm ăn xa, chị đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Bên cạnh đó bà B trình bày, bà không mong muốn anh chị ly hôn, việc ly hôn là do anh chị tự quyết định. Bà xác định vợ chồng có 01 con chung như anh H, chị H1 trình bày là đúng, hiện cháu Nguyễn Khánh Đ đang sống cùng bà, bà nhất trí nhận ủy quyền của chị H1 có trách nhiệm chăm sóc cháu Đ cho đến khi

chị H1 về nước, bà tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi cháu Đức. Do điều kiện bận công việc, bà đề nghị được giải quyết vắng mặt.

Con chung của anh H, chị H1 là cháu Nguyễn Khánh Đ có nguyện vọng được ở với mẹ và bà ngoại.

Tại phiên tòa sơ thẩm, các đương sự đều vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Hải Phòng phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83, Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 1 Điều 28, Điều 147, 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa đổi bổ sung năm 2025; Luật số 85 ngày 25/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Nguyễn Văn H xin ly hôn chị Lê Thị H1.

- Về con chung: Giao con chung Nguyễn Khánh Đ, sinh ngày 05/3/2018 cho chị Hồng nuôi dưỡng cho đến khi con chung trưởng thành. Tạm giao cháu Nguyễn Khánh Đ cho bà Hoàng Thị B (mẹ đẻ chị H1) chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian chị Hồng lao động tại nước ngoài.

- Về án phí: Anh H phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và xem xét ý kiến của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (viết tắt HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bị đơn chị Lê Thị H1 có nơi cư trú trước khi xuất cảnh tại thôn N, xã T, thành phố Hải Phòng, hiện đang sinh sống và làm việc tại Singapore. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ Luật tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án ngày 25/6/2025 của Quốc Hội thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Hải Phòng.

[1.2] Tại phiên tòa các đương sự đều vắng mặt và đều đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn H và chị Lê Thị H1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương (nay là xã T, thành phố Hải Phòng) ngày 04/6/2015 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, quan điểm sống bất đồng, anh chị không có tiếng nói chung. Năm 2025, chị H1 chuyển sang lao động tại Singapore, năm 2026 anh H về nước, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Anh H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Lê Thị H1. Chị H1 xác định anh Hội không chung thủy với chị và đã có người phụ nữ khác, vợ chồng sống ly thân từ lâu, tình cảm vợ chồng không còn nên nhất trí ly hôn. Như vậy có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Hội và chị Hồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hội, xử cho anh H ly hôn chị H1.

[2.2] Về quan hệ con chung: Anh H, chị H1 có 01 con chung là Nguyễn Khánh Đ, sinh ngày 05/3/2018, hiện đang ở với bà Hoàng Thị B. Anh H nhất trí giao con cho chị H1 tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, chị Hồng có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cho đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi) và tự nguyện không yêu cầu anh Hội phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện chị H1 không có mặt tại Việt Nam, chị ủy quyền cho mẹ đẻ là bà Hoàng Thị B thay chị chăm sóc, nuôi dưỡng con Nguyễn Khánh Đ cho đến khi chị về nước. Bà B nhất trí nhận ủy quyền của chị Hồng có trách nhiệm thay chị chăm sóc cháu Đức trong thời gian chị H1 không có mặt ở Việt Nam. Cháu Đ cũng có nguyện vọng được ở với chị H1 và bà B. Như vậy, để đảm bảo sự ổn định và phát triển thuận lợi của cháu Nguyễn Khánh Đ cũng như phù hợp quan điểm, nguyện vọng của các đương sự, HĐXX chấp nhận yêu cầu của anh H giao con chung cho chị Hồng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Hồng không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con. Tạm giao cháu Đ cho bà B chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian chị H1 ở nước ngoài.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh H, chị H1 không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.4] Về án phí: Anh Nguyễn Văn H là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ Luật tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án ngày 25/6/2025 của Quốc Hội; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn H, xử cho anh Nguyễn Văn H ly hôn chị Lê Thị H1.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung là Nguyễn Khánh Đ, sinh ngày 05/3/2018 cho chị Lê Thị H1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H1 không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con. Tạm giao cháu Nguyễn Khánh Đ cho bà Hoàng Thị B chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi chị H1 về nước.

Anh Nguyễn Văn H được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Văn H phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được đối trừ 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí, theo biên lai ký hiệu BLTU/26E số 0007124 ngày 09 tháng 6 năm 2026 của Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Anh H đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Văn H và bà Hoàng Thị B được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Chị Lê Thị H1 được quyền kháng cáo bản án trong hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 11 - Hải Phòng;
- Các đương sự;
- Phòng THADS khu vực 11 - Hải Phòng;
- UBND xã T, TP. Hải Phòng;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Khánh Thiện